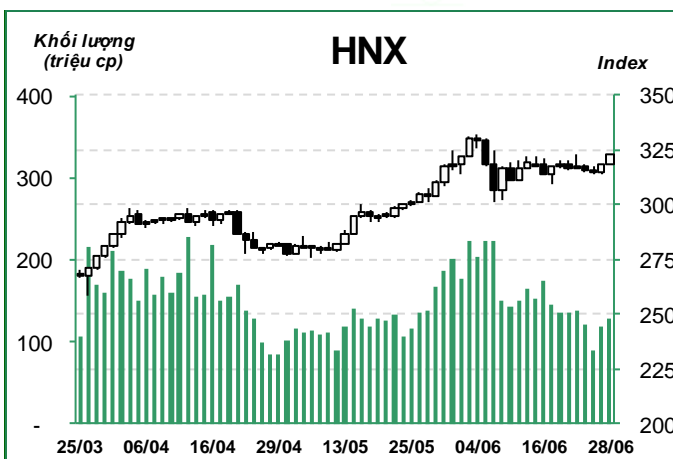
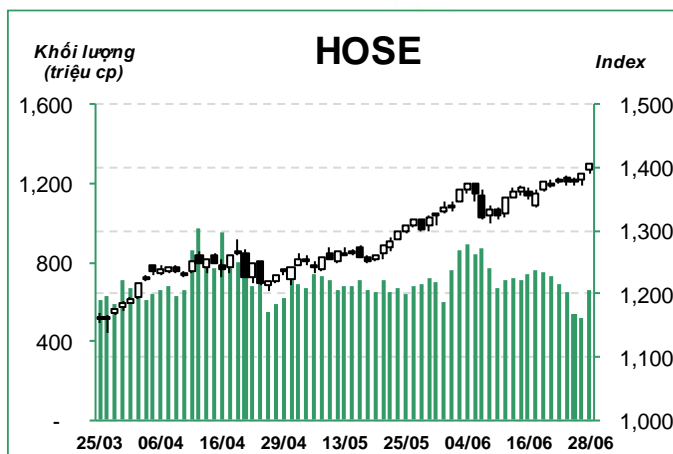


Tổng quan thị trường

28/06/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	1,405.81	1.13%	1,521.41	1.41%	323.10	1.53%
Cuối tuần trước	1,390.12	1.13%	1,500.30	1.41%	318.22	1.53%
Trung bình 20 ngày	1,364.08	3.06%	1,482.54	2.62%	317.17	1.87%
Tổng KLGD (triệu cp)	699.51	16.95%	233.85	17.23%	130.50	10.35%
KLGD khớp lệnh	654.62	26.23%	215.31	19.47%	128.01	8.89%
Trung bình 20 ngày	717.87	-8.81%	247.61	-13.04%	152.88	-16.27%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	23,192.24	21.25%	12,388.59	18.67%	3,065.77	4.36%
GTGD khớp lệnh	21,549.88	29.27%	11,520.45	22.81%	2,965.51	1.92%
Trung bình 20 ngày	22,386.96	-3.74%	12,621.97	-8.73%	3,599.49	-17.61%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	228	52%	21	70%	124	34%
Số mã giảm	157	36%	6	20%	114	31%
Số mã đứng giá	54	12%	3	10%	128	35%



Tiếp đà hưng phấn từ phiên tăng vượt đỉnh trong ngày thứ 6 tuần trước cùng với những diễn biến khởi sắc đến từ các thị trường chứng khoán thế giới, chứng khoán trong nước bật tăng ngày từ đầu phiên và VN-Index dễ dàng vượt mốc 1,400 điểm ngay trong phiên sáng. Mặc dù vẫn còn dưới mức trung bình, việc thanh khoản thị trường đã tăng đáng kể so với phiên cuối tuần trước đang phát đi tín hiệu dòng tiền đã nhập cuộc trở lại. Bên cạnh đó, lực cầu không chỉ lan tỏa đồng thuận ở các cổ phiếu vốn hóa lớn mà nhiều cổ phiếu midcap và penny cũng được đẩy giá khá tốt.

Chốt phiên, VN-Index tăng hơn 15 điểm và đóng cửa tại mức 1,405.81 điểm (+1.13%). Thanh khoản có sự cải thiện đáng kể với KLGD khớp lệnh đạt 654.6 triệu cổ phiếu (+26.2%), tương đương 21,550 tỷ đồng giá trị (+29.3%). Độ rộng thị trường duy trì trạng thái tích cực với 228 mã tăng/157 mã giảm.

Diễn biến tăng điểm khả quan được ghi nhận ở khá nhiều cổ phiếu Bluechips. Trong đó, Vinhomes-VHM (+3.0%), Hòa Phát-HPG (+3.4%), Techcombank-TCB (+3.9%), BIDV-BID (+3.0%) là những cổ phiếu có ảnh hưởng tích cực nhất. Cùng với đó là sự trở lại của nhóm cổ phiếu midcap và penny tiêu biểu như BĐS Khu công nghiệp, Cảng biển, Đường, Phân bón, ... Ở chiều ngược lại, Vingroup-VIC (-0.7%), Vinamilk-VNM (-0.6%), Sabeco-SAB (-0.5%), VPBank-VPB (-0.3%) là những cổ phiếu giảm điểm nhưng áp lực bán không quá mạnh.

Sau 4 phiên mua ròng liên tiếp, khối ngoại quay đầu xả 216.7 tỷ đồng trên sàn HoSE. Trong đó, dẫn đầu ở chiều bán ròng gọi tên các cổ phiếu VPBank-VPB (-354.8 tỷ), Hòa Phát-HPG (-221.2 tỷ) và Maritime Bank-MSB (-44.1 tỷ). Trái lại, khối

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
TCB	3,363.0	172.10
HDB	4,210.0	149.46
HPG	2,742.2	138.59
STB	3,264.4	95.78
SAM	9,135.0	94.33
VCB	836.0	92.71
VPI	1,724.3	60.35
CII	2,438.9	47.42
SBT	2,255.2	45.41
VIC	363.1	42.47
HNX		
HHC	428.2	39.26
IDC	538.0	19.42
HGM	618.5	18.37
VND	250.0	11.41
NVB	337.5	6.11
SHB	85.2	2.08
GKM	127.4	1.82
VC3	69.0	1.42
DVG	33.6	0.37

ngoại tập trung mua ròng Vinhomes-VHM (+135.7 tỷ), Vietcombank-VCB (+105.3 tỷ) và Vingroup-VIC (+33.9 tỷ).

Trên sàn HNX, chỉ số HNX-Index đóng cửa tăng lên mức 323.10 điểm (+1.53%). KLGĐ khớp lệnh đạt 128.0 triệu cổ phiếu (+8.9%), tương đương 2,965.5 tỷ đồng giá trị (+1.9%).

Trong đó, đóng góp nhiều nhất thuộc về nhóm ngân hàng với các cổ phiếu như Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+3.3%), Ngân hàng Bắc Á-BAB (+2.7%) và Ngân hàng Quốc Dân-NVB (+1.6%). Ngoài ra, một số cổ phiếu cũng có mức tăng điểm khá tích cực như Thaiholdings-THD (+1.6%), Idico-IDC (+1.7%), Chứng khoán VNDIRECT-VND (+1.1%) hay HTINVEST-HTP (+9.9%). Ở chiều ngược lại, Bến xe ĐLGL-DL1 (-9.9%), Điện miền Trung-SEB (-5.0%), Nhựa Tiền Phong-NTP (-1.0%) là những cổ phiếu gây sức ép nhiều nhất.

Khối ngoại đảo chiều mua ròng trên sàn HNX, đạt giá trị 9.1 tỷ đồng. Giá trị mua ròng này chủ yếu đến từ lượng mua Chứng khoán VNDIRECT-VND (+21.9 tỷ) cùng với đó còn có Thaiholdings-THD (+1.0 tỷ) và Bảo hiểm PVI-PVI (+0.6 tỷ). Trong khi đó, Tập đoàn PAN-PAN (-8.2 tỷ), Chứng khoán Bảo Việt-BVS (-1.2 tỷ), Vicostone-VCS (-0.9 tỷ) là những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ ba liên tiếp. Khối lượng giao dịch tuy vẫn dưới mức bình quân 10 và 20 phiên nhưng đã có sự gia tăng so với phiên trước, hàm ý dòng tiền tham gia thị trường tăng lên. Không những vậy, xu hướng tăng đang tiếp diễn, khi chỉ số duy trì đóng cửa trên MA5, cùng với chùm MA 5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực cho tín hiệu xác nhận xu hướng tăng hiện tại. Thêm vào đó, sự đồng thuận giữa RSI và MACD theo chiều hướng tích cực, đang mở ra cơ hội cho chỉ số bước vào một nhịp tăng mạnh mẽ hơn và hướng tới các ngưỡng cao lịch sử mới. Trong trường hợp tích cực, chỉ số có thể đi lên thử thách ngưỡng tâm lý tiếp theo quanh vùng 1,500 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm thứ hai liên tiếp và duy trì đóng cửa trên MA20, cho thấy chỉ số vẫn còn cơ hội giữ được xu hướng tăng và hướng lên thử thách lại ngưỡng đỉnh cũ 330 điểm. Nhìn chung, thị trường đang nằm trong xu hướng tăng. Do đó, nhà đầu tư có thể tiếp tục nắm giữ các cổ phiếu có cơ bản tốt, dự báo kết quả kinh doanh quý 2 tăng trưởng và đang hút được dòng tiền mạnh.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PLP	10.7	1,510.3	7.0%
VNE	8.3	3,904.4	7.0%
TTF	8.3	4,099.7	7.0%
TGG	8.5	2,869.8	7.0%
PSH	28.5	1,218.8	7.0%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
LGL	6.3	303.0	-6.9%
PTC	11.2	8.0	-6.7%
COM	42.9	0.5	-5.7%
EVG	11.8	710.5	-5.2%
L10	17.0	0.2	-5.0%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	52.4	2,168.0	3.4%
TCB	53.6	1,544.5	3.9%
VPB	68.0	1,182.1	-0.3%
VHM	115.5	817.9	3.0%
MBB	43.1	801.1	2.4%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HPG	52.4	41,900.7	3.4%
TCB	53.6	29,084.1	3.9%
MSB	30.3	26,626.3	6.9%
FLC	13.7	23,332.0	-1.8%
STB	30.2	22,568.3	2.4%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SGC	62.9	0.1	10.0%
HHC	91.7	429.0	10.0%
HTP	25.5	259.3	9.9%
TDN	10.0	404.0	9.9%
THS	21.2	22.7	9.8%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PEN	7.2	0.1	-10.0%
DL1	9.1	75.2	-9.9%
SIC	19.5	3.8	-9.7%
PCG	9.5	147.6	-9.5%
VE8	8.1	2.0	-9.0%

Top 5 giá trị

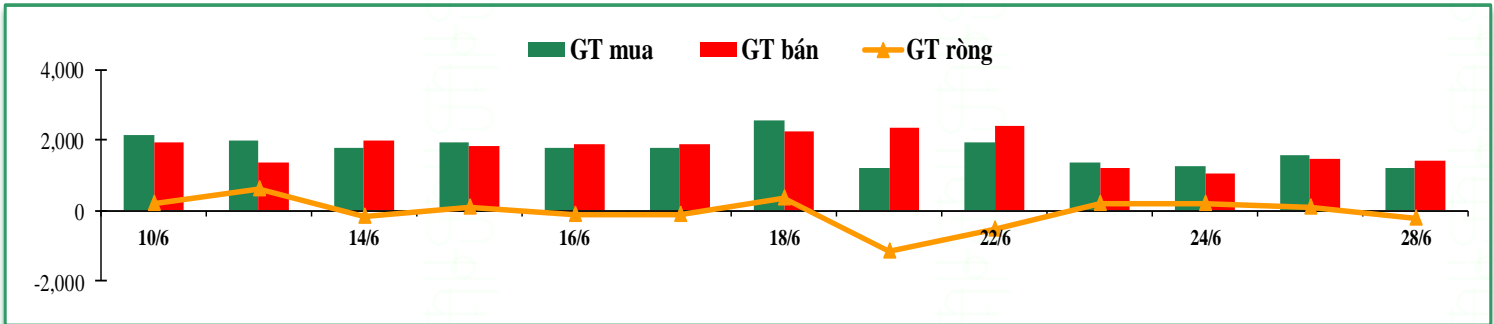
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	28.0	978.5	3.3%
PVS	30.5	310.6	0.7%
VND	45.5	285.8	1.1%
SHS	43.8	211.0	0.9%
THD	203.2	139.6	1.6%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	28.0	35,044.1	3.3%
KLF	5.3	10,212.1	1.9%
PVS	30.5	10,127.0	0.7%
NVB	19.3	6,522.5	1.6%
VND	45.5	6,238.5	1.1%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,173.0	5.1%	1,389.7	6.0%	-216.7
HNX	54.3	1.8%	45.2	1.5%	9.1
Tổng số	1,227.3		1,434.8		-207.6



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VHM	115.5	217.7	3.0%
HPG	52.4	125.4	3.4%
VCB	112.6	115.5	0.0%
VIC	116.7	51.3	-0.7%
E1VFN30	25.6	50.4	0.0%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	68.0	354.8	-0.3%
HPG	52.4	346.6	3.4%
VHM	115.5	81.9	3.0%
E1VFN30	25.6	54.4	0.0%
MBB	43.1	46.7	2.4%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VHM	115.5	135.7	3.0%
VCB	112.6	105.3	0.0%
VIC	116.7	33.9	-0.7%
FUEVFVND	25.4	25.2	0.0%
KDC	61.5	22.0	1.7%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	45.5	47.8	1.1%
THD	203.2	1.0	1.6%
PVS	30.5	0.7	0.7%
PVI	42.0	0.6	1.2%
SHB	28.0	0.5	3.3%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	45.5	25.9	1.1%
PAN	28.3	8.2	1.4%
BVS	31.1	1.7	2.0%
VCS	109.7	1.2	-0.3%
PCG	9.5	0.9	-9.5%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	45.5	21.9	1.1%
THD	203.2	1.0	1.6%
PVI	42.0	0.6	1.2%
SHS	43.8	0.3	0.9%
CEO	10.3	0.3	0.0%

Tin trong nước

Hơn 10 ngân hàng đã nộp đơn xin cấp thêm "hạn ngạch" tín dụng, một số chuyên gia khuyên nên bỏ vì đã có chỉ số LTD, thanh khoản, vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn... nhưng nhà điều hành lại có lý của mình...

Trong Bản tin Kinh tế - Tài chính mới nhất, nhóm phân tích của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) cho biết, dựa trên số liệu của Ngân hàng Nhà nước, tính đến 15/06/2021, tín dụng toàn nền kinh tế tăng 5,1% so với cuối năm 2020, tăng 2,26% so với cùng kỳ năm 2020. Dự kiến đến cuối tháng 6 tăng trưởng tín dụng có thể đạt khoảng 5,5-6%.

NHIỀU NGÂN HÀNG SỚM CẠN ROOM TÍN DỤNG

Tuy nhiên, nhiều ngân hàng “kẹt” với quota tín dụng và đang xin nới “room” từ nay đến cuối năm. Nhóm phân tích cho rằng, từ đầu năm, Ngân hàng Nhà nước đã giao xong chỉ tiêu tín dụng lần một đến các tổ chức tín dụng trong hệ thống.

Trong đó, nhóm “Big4” gồm Vietcombank, VietinBank, BIDV và Agribank được cấp “room” năm nay 6,5-7,5%; riêng Vietcombank được giao 10,5%. Hạn mức của một số ngân hàng thương mại cổ phần như VIB, ACB, Sacombank được giao là 8,5-9,5%; MB, VPBank, Techcombank là 10,5-12%. Có thể thấy, mặt bằng “room” tín dụng được Ngân hàng Nhà nước cấp cho các tổ chức tín dụng thấp hơn tổng thể các năm trước.

“Do Ngân hàng Nhà nước cấp hạn mức tăng trưởng tín dụng hàng năm tùy thuộc vào tình hình hoạt động kinh doanh và tỷ lệ nợ xấu của các ngân hàng, những năm gần đây, Ngân hàng Nhà nước thường cấp hạn mức này ban đầu ở mức thấp. Sau đó, thường là trong nửa cuối năm, Ngân hàng Nhà nước sẽ mở rộng hạn mức tín dụng cho từng ngân hàng khi có nhu cầu”, nhóm phân tích nhận xét.

Theo trên, năm 2021, nhờ sự phục hồi kinh tế và thị trường bất động sản thuận lợi, tín dụng khởi sắc ngay từ những quý đầu năm. Vì vậy, số ngân hàng sắp hết “room” tín dụng xuất hiện nhiều hơn và sớm hơn những năm trước.

Ngay từ tháng 04/2021, nhiều ngân hàng buộc phải hạn chế giải ngân vì đã tiệm cận hạn mức tăng trưởng tín dụng được giao như MSB, MB, Sacombank... Hiện có khoảng 10 ngân hàng thương mại đã gửi đề nghị xin Ngân hàng Nhà nước sớm nới “room”.

Theo 3 kịch bản tăng trưởng tín dụng cho năm 2021 do Ngân hàng Nhà nước công bố từ đầu năm, kịch bản 1, nếu việc tiêm vaccine đại trà và dịch Covid-19 được kiểm soát, tín dụng sẽ tăng 12% đến 13%, có thể đạt 14%.

Kịch bản 2, dịch kéo dài đến tháng 6, các biện pháp giãn cách xã hội vẫn được thực hiện, thời gian tiêm vaccine kéo dài, tín dụng có thể tăng từ 10% đến 12%. Kịch bản 3, dịch kéo dài đến hết năm, tăng trưởng tín dụng khoảng 7-8%.

Tin doanh nghiệp niêm yết

Tôn Hoa Sen lãi kỷ lục 602 tỷ đồng tháng 5

Tập đoàn Hoa Sen (HoSE: HSG) công bố sản lượng tháng 5 đạt 223.273 tấn, tăng 3% so với tháng trước. Doanh thu 4.566 tỷ đồng, tương đương song lợi nhuận 602 tỷ đồng, tăng 12% so với tháng trước. Đây là mức lợi nhuận kỷ lục đạt được theo tháng của Hoa Sen.

Lũy kế 8 tháng niên độ 2020-2021, doanh nghiệp ghi nhận sản lượng 1,5 triệu tấn, thực hiện 84% kế hoạch năm. Doanh thu 29.062 tỷ đồng, thực hiện 88% kế hoạch và lợi nhuận 2.810 tỷ đồng, vượt 87% kế hoạch năm.

Hoa Sen hiện đang đứng đầu thị phần tôn mạ với 37,2% và đứng thứ 2 thị phần ống thép với 20,32%. Trong thời gian gần đây, Hoa Sen đẩy mạnh kênh xuất khẩu.

Đạm Phú Mỹ chốt quyền chia cổ tức tiền mặt tỷ lệ 7%

Đạm Phú Mỹ (HoSE: DPM) thông báo ngày 6/7 là ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông trả cổ tức bằng tiền đợt cuối năm 2020 tỷ lệ 7%.

Ngày thanh toán là 30/7. Với 391 triệu cổ phiếu đang lưu hành, Đạm Phú Mỹ dự chi 274 tỷ đồng để thanh toán cổ tức đợt này.

Năm 2020, hưởng lợi giá nguyên liệu đầu vào giảm, doanh nghiệp phân bón ghi nhận lợi nhuận 702 tỷ đồng, tăng 80% so với năm 2019. Theo đó, Đạm Phú Mỹ dự chi 548 tỷ đồng để thanh toán cổ tức năm 2020, tương đương tỷ lệ 14% mệnh giá, đã tạm ứng 7%.

Năm 2021, doanh nghiệp lên phương án doanh thu 8.331 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 365 tỷ đồng; lần lượt tăng 4% và giảm 48% so với năm trước. Riêng quý I, Đạm Phú Mỹ thực hiện được 23% chỉ tiêu doanh thu và 49% chỉ tiêu lợi nhuận.

Thép Tiến Lên lãi 290 tỷ đồng sau 5 tháng, vượt 16% kế hoạch năm

Thép Tiến Lên (HoSE: TLH) thông báo 5 tháng đầu năm doanh thu hợp nhất 2.106 tỷ đồng, lãi sau thuế 290 tỷ đồng. Doanh nghiệp thực hiện được 42% chỉ tiêu doanh thu nhưng vượt 16% chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế (250 tỷ đồng).

Như vậy, riêng tháng 5, đơn vị ghi nhận doanh thu hợp nhất 348 tỷ đồng, lãi sau thuế 55 tỷ đồng; lần lượt giảm 55% và giảm 52% so với tháng trước.

Quý I, đơn vị báo cáo lợi nhuận 120 tỷ đồng, gấp 32,5 lần cùng kỳ năm trước và thiết lập mức kỷ lục trong 1 quý. Như vậy, tổng lợi nhuận tháng 4 và 5 đã vượt kết quả đạt được trong quý I.

Tại thời điểm cuối quý I, đơn vị có 2.072 tỷ đồng hàng tồn kho, tăng thêm 400 tỷ so với đầu năm.

Nguồn: NDH

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	TLH	Mua	29/06/21	17.8	17.8	0.0%	20.25	13.8%	16.7	-6.2%	Cổ phiếu có cơ hội quay lại xu hướng tăng
2	HPG	Mua	29/06/21	52.4	52.4	0.0%	60	14.5%	49.8	-5.0%	Cổ phiếu có cơ hội quay lại xu hướng tăng

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	SCR	Quan sát mua	29/06/21	11.05	12 14	Nhịp điều chỉnh về hỗ trợ 10.5-11 với vol cạn dần, nhưng biến động còn khá lớn -> theo dõi thêm, chờ tín hiệu các nền giảm nhỏ đi để cân nhắc tham gia thăm dò
2	FRT	Quan sát mua	29/06/21	27.65	30 32	Nền tăng tốt kèm vol tăng trở lại sau tín hiệu cạn vol trước đó + MACD Hook -> khả năng đã retest xong hỗ trợ 26-26.5 và sẵn sàng tăng trở lại
3	TCB	Quan sát mua	29/06/21	53.6	60	Nền tăng tốt kèm gap và vol tăng mạnh, thoát nền tích lũy ngắn hạn -> khả năng quay lại xu hướng tăng, có thể canh mua khi giá điều chỉnh về vùng 51.5-52.5

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VSC	Nắm giữ	28/04/21	60.6	49.9	21.4%	66	32.3%	47	-6%	
2	PVS	Nắm giữ	19/05/21	30.5	21.8	39.9%	31.3	43.6%	20.5	-6%	
3	VRE	Mua	10/06/21	31.8	31.7	0.3%	36	14%	30	-5%	
4	KBC	Mua	15/06/21	40.15	35.4	13.4%	42	19%	33.3	-6%	
5	VCS	Mua	16/06/21	109.7	103.7	5.8%	122	18%	97.8	-6%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

6	POW	Mua	18/06/21	12.15	12.4	-2.0%	14.3	15%	11.7	-6%	
7	VNM	Mua	21/06/21	89.2	92.1	-3.1%	101.5	10%	88.6	-4%	
8	CTG	Mua	23/06/21	54.4	51.9	4.8%	58.2	12%	49.4	-5%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 28/06/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2101	1,500	4,130	5.4%	175%	28,920	7	85,700	4,155	25	MBS	FPT	64,120	5.2	05/07/2021
CHDB2101	1,000	3,550	0.0%	255%	2,960	86	36,000	1,254	(2,296)	KIS	HDB	29,890	5.0	22/09/2021
CHPG2020	5,700	43,990	7.3%	672%	2,280	2	52,400	47,560	3,570	VND	HPG	19,110	0.7	30/06/2021
CHPG2101	1,050	8,230	0.2%	684%	3,830	86	52,400	6,243	(1,987)	KIS	HPG	34,470	2.9	22/09/2021
CHPG2102	6,600	29,900	9.1%	353%	14,460	7	52,400	31,818	1,918	ACBS	HPG	30,140	0.7	05/07/2021
CHPG2103	3,900	14,000	9.0%	259%	8,800	8	52,400	14,356	356	VND	HPG	30,880	1.5	06/07/2021
CHPG2104	1,500	8,820	8.9%	488%	13,600	7	52,400	8,852	32	MBS	HPG	32,940	2.2	05/07/2021
CHPG2105	3,000	16,370	3.2%	446%	7,790	42	52,400	14,397	(1,973)	HCM	HPG	30,880	1.5	09/08/2021
CHPG2106	4,100	13,380	9.7%	226%	6,050	60	52,400	10,413	(2,967)	MBS	HPG	36,910	1.5	27/08/2021
CHPG2107	1,300	5,150	4.3%	296%	13,720	45	52,400	2,396	(2,754)	KIS	HPG	43,650	3.7	12/08/2021
CHPG2108	1,200	5,040	5.0%	320%	24,680	45	52,400	2,380	(2,660)	KIS	HPG	43,710	3.7	12/08/2021
CKDH2002	1,600	3,650	-1.4%	128%	3,020	49	37,150	3,437	(213)	KIS	KDH	24,850	3.6	16/08/2021
CKDH2101	1,000	2,930	2.8%	193%	8,650	86	37,150	1,557	(1,373)	KIS	KDH	30,300	4.5	22/09/2021
CKDH2102	2,800	5,230	2.6%	87%	3,930	46	37,150	4,976	(254)	MBS	KDH	28,270	1.8	13/08/2021
CMBB2101	1,600	8,100	6.9%	406%	56,620	8	43,100	8,556	456	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMBB2102	1,200	3,250	-4.1%	171%	5,850	45	43,100	872	(2,378)	KIS	MBB	34,470	10.0	12/08/2021
CMSN2101	1,050	2,730	1.9%	160%	3,020	86	108,900	504	(2,226)	KIS	MSN	100,000	20.0	22/09/2021
CMSN2102	1,000	2,430	-0.4%	143%	7,350	86	108,900	150	(2,280)	KIS	MSN	111,110	20.0	22/09/2021
CMSN2103	3,000	4,950	1.0%	65%	6,750	46	108,900	3,523	(1,427)	MBS	MSN	88,000	6.0	13/08/2021
CMWG2013	12,000	24,950	-3.4%	108%	380	2	145,500	25,421	471	VND	MWG	94,670	2.0	30/06/2021
CMWG2101	2,400	2,720	0.7%	13%	7,080	8	145,500	2,856	136	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	3,000	6,150	2.3%	105%	2,440	35	145,500	5,149	(1,001)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021
CMWG2103	1,900	1,550	3.3%	-18%	30,590	7	145,500	1,705	155	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CMWG2104	2,400	6,900	0.0%	188%	6,200	(98)	145,500	(123)	(7,023)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	2,950	4,180	4.2%	42%	2,760	60	145,500	1,814	(2,366)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CNVL2101	1,000	5,750	4.0%	475%	14,770	86	120,000	5,423	(327)	KIS	NVL	56,840	11.7	22/09/2021
CNVL2102	1,100	3,920	1.6%	256%	27,670	91	120,000	2,192	(1,728)	KIS	NVL	94,640	11.8	27/09/2021
CPDR2101	1,100	4,460	-3.3%	305%	39,160	60	94,600	1,285	(3,175)	KIS	PDR	88,890	5.0	27/08/2021
CPDR2102	1,100	5,110	-1.5%	365%	5,190	91	94,600	1,452	(3,658)	KIS	PDR	89,000	5.0	27/09/2021
CPNJ2101	1,700	2,010	0.5%	18%	9,630	8	98,100	2,110	100	VND	PNJ	77,250	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	2,000	4,600	0.0%	130%	4,210	35	98,100	3,807	(793)	VCI	PNJ	79,230	5.0	02/08/2021
CREE2101	2,300	2,280	3.6%	-1%	17,200	8	57,300	2,331	51	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	1,100	2,400	-4.4%	118%	4,870	86	21,500	17	(2,383)	KIS	SBT	24,670	5.0	22/09/2021
CSTB2101	1,000	6,290	3.1%	529%	2,020	86	30,200	4,156	(2,134)	KIS	STB	22,000	2.0	22/09/2021
CSTB2103	1,400	7,390	1.4%	428%	9,100	42	30,200	6,122	(1,268)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	4,000	10,260	1.6%	157%	3,160	60	30,200	7,381	(2,879)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	5,400	31,700	7.7%	487%	8,090	32	53,600	31,641	(59)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	5,000	24,670	2.8%	393%	6,570	99	53,600	22,780	(1,890)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	2,300	8,090	11.4%	252%	31,890	8	53,600	8,808	718	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	2,900	9,600	4.5%	231%	23,590	42	53,600	9,094	(506)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	2,000	7,400	3.4%	270%	10,780	60	53,600	3,982	(3,418)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	1,600	1,430	-11.7%	-11%	42,620	49	22,050	28	(1,402)	KIS	TCH	23,410	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	2,480	-1.6%	148%	2,410	86	22,050	70	(2,410)	KIS	TCH	24,060	3.9	22/09/2021
CTCH2102	2,750	1,750	-11.6%	-36%	7,710	46	22,050	2	(1,748)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	1,200	1,330	-8.3%	11%	22,230	45	22,050	(0)	(1,330)	KIS	TCH	31,670	4.0	12/08/2021
CVHM2101	1,100	3,140	7.2%	185%	5,570	86	115,500	608	(2,532)	KIS	VHM	106,890	16.0	22/09/2021
CVHM2102	1,900	2,670	6.8%	41%	69,730	8	115,500	2,854	184	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2104	1,600	3,120	1.6%	95%	14,790	42	115,500	1,774	(1,346)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	1,500	2,990	6.8%	99%	6,160	46	115,500	1,288	(1,702)	MBS	VHM	105,500	8.0	13/08/2021
CVHM2106	1,300	3,330	4.7%	156%	25,960	45	115,500	75	(3,255)	KIS	VHM	118,670	10.0	12/08/2021
CVIC2101	1,000	2,700	-1.8%	170%	2,190	86	116,700	31	(2,669)	KIS	VIC	126,890	20.0	22/09/2021
CVIC2103	1,100	2,290	-1.3%	108%	2,990	91	116,700	0	(2,290)	KIS	VIC	165,900	20.0	27/09/2021
CVNM2101	1,100	1,950	-4.4%	77%	1,230	86	89,200	0	(1,950)	KIS	VNM	124,180	19.6	22/09/2021
CVNM2102	1,700	180	-18.2%	-89%	30,620	8	89,200	(0)	(180)	VND	VNM	107,650	9.8	06/07/2021
CVNM2104	1,480	2,270	-1.3%	53%	6,410	77	89,200	2	(2,268)	MBS	VNM	101,730	9.9	13/09/2021
CVNM2105	1,100	1,770	1.7%	61%	18,310	91	89,200	0	(1,770)	KIS	VNM	117,930	19.8	27/09/2021
CVPB2015	5,600	42,300	-0.7%	655%	2,350	32	68,000	42,049	(251)	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2101	2,900	14,800	-2.3%	410%	1,940	8	68,000	15,509	709	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2103	2,700	15,850	-0.9%	487%	7,310	42	68,000	15,795	(55)	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	2,500	8,520	0.2%	241%	5,630	60	68,000	6,391	(2,129)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2013	5,000	5,790	-3.0%	16%	14,400	32	31,800	4,352	(1,438)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVRE2101	1,200	2,260	-3.4%	88%	3,390	86	31,800	66	(2,194)	KIS	VRE	34,570	4.0	22/09/2021
CVRE2102	1,800	540	-1.8%	-70%	58,890	8	31,800	454	(86)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	1,300	1,310	-12.7%	1%	17,450	42	31,800	116	(1,194)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	3,000	2,400	-6.3%	-20%	17,620	46	31,800	16	(2,384)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**	
TPB	(New)	HOSE	37,650	42,600	25/06/2021	4,546	3,880	19,024	23%	2%	11.0	2.2	0%
KDC	(New)	HOSE	61,500	65,200	24/06/2021	510	1,800	32,806	7%	4%	37.1	2.8	6%
KDH	(New)	HOSE	37,150	37,950	16/06/2021	1,174	1,885	14,536	15%	9%	20.1	2.6	-
SZC	(New)	HOSE	39,000	44,400	15/06/2021	202	2,025	13,476	15%	3%	21.2	3.3	10%
GMD	(New)	HOSE	44,000	54,800	09/06/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	12.8	1.0	0%
AAA		HOSE	19,750	21,500	07/06/2021	413	1,739	17,474	11%	5%	10.2	1.0	-
NLG		HOSE	38,200	43,800	31/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	9%	10.2	1.6	5%
VRE		HOSE	31,800	42,500	31/05/2021	2,603	1,419	11,745	9%	6%	35.5	3.6	-
VHM		HOSE	115,500	137,000	31/05/2021	34,194	10,223	42,470	36%	11%	13.4	4.2	-
PHR		HOSE	57,400	67,600	28/05/2021	1,146	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
GVR		HOSE	36,300	40,200	28/05/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%
KBC		HOSE	40,150	47,200	28/05/2021	1,682	3,251	25,883	14%	6%	14.5	1.5	0%
REE		HOSE	57,300	62,100	28/05/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
ANV		HOSE	32,300	26,000	27/05/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
VHC		HOSE	45,000	48,900	27/05/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
FMC		HOSE	36,900	43,900	27/05/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-
MPC		UPCOM	39,000	44,700	27/05/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
IMP		HOSE	79,500	63,700	27/05/2021	241	3,611	27,902	13%	11%	17.7	2.3	-
DHG		HOSE	95,600	100,400	27/05/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
FRT		HOSE	27,650	37,700	26/05/2021	113	1,426	15,852	5%	1%	26.5	2.4	10%
DGW		HOSE	123,700	155,000	26/05/2021	448	10,410	36,323	29%	12%	14.9	4.3	20%
PNJ		HOSE	98,100	116,000	26/05/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
MWG		HOSE	145,500	168,000	26/05/2021	6,019	12,654	43,999	29%	11%	13.4	3.8	15%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

SAB		HOSE	171,100	182,900	26/05/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
MSN		HOSE	108,900	104,500	26/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3	-
VNM		HOSE	89,200	128,000	26/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
TCM		HOSE	91,400	82,800	17/05/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	17.9	2.9	-
STK		HOSE	39,800	41,000	17/05/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
NVL		HOSE	120,000	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5	-
VGG		UPCOM	42,500	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3	20%
VCB		HOSE	112,600	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-
ACB		HOSE	36,700	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-
TCB		HOSE	53,600	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
GEG		HOSE	17,250	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
BMP		HOSE	60,100	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
CTD		HOSE	66,000	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
FPT		HOSE	85,700	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
VGS		HNX	19,600	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%
SMC		HOSE	39,000	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%
ACV		UPCOM	77,100	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
PLX		HOSE	57,100	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%
SBT		HOSE	21,500	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
QNS		UPCOM	40,500	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
GAS		HOSE	95,000	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
MSH		HOSE	63,300	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
TNG		HOSE	24,000	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
GIL		HOSE	58,400	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
BSR		UPCOM	21,600	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
GTN		HOSE	18,600	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
LHG		HOSE	43,200	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
CTR		UPCOM	71,200	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
POW		HOSE	12,150	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.